

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc điều chỉnh, bổ sung tính chất ngành nghề các khu công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Thái Bình.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-BXD ngày 04/8/2003 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Phúc Khánh, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2310/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thị xã Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 195/2001/QĐ-UB ngày 23/3/2001 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Phúc Khánh, thị xã Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 11/2002/QĐ-UB ngày 22/02/2002 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thị xã Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 25/9/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Gia Lễ;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 16/02/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết điều chỉnh và mở rộng khu công nghiệp Cầu Nghìn, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết điều chỉnh, mở rộng khu công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ công nghiệp Sông Trà;

Căn cứ Quyết định số 3680/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;

Xét đề nghị của Ban Quản lý các khu công nghiệp tại Báo cáo số 102/BC-BQLKCN ngày 20/9/2017, Công văn số 747/BQLKCN-QH ngày 27/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung tính chất ngành nghề của quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp: Phúc Khánh, Nguyễn Đức Cảnh, Gia Lễ, Sông Trà, Cầu Nghìn, Tiền Hải, như sau:

1. Tính chất các khu công nghiệp: Là các khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành công nghiệp, dịch vụ phục vụ công nghiệp hỗ trợ ít gây ô nhiễm môi trường khác như: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt; cung cấp nước, hoạt động xử lý rác thải, nước thải; vận tải, kho bãi...

2. Không bố trí trong các khu công nghiệp các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất như sau: Dệt và may mặc có nấu giặt tẩy, nhuộm; thuộc da, sơ chế da; sản xuất bột giấy, giấy có xeo giấy; sản xuất bột ngọt (mì chính); sản xuất thuốc lá; sản xuất tấm lợp có sử dụng amiăng amfibole; sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b; sản xuất xi măng; sản xuất gạch tuynen; sản xuất vôi (nung vôi); sản xuất luyện gang, thép; cơ khí có mạ kim loại (mạ điện); sản xuất các loại hóa chất theo Phụ lục III Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP; sang chiết, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; sản xuất mực in; sản xuất chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất; sản xuất composite; sản xuất pin, ắc quy; sản xuất nến thơm; sản xuất phân bón vô cơ; sản xuất mây tre đan có sử dụng hóa chất ngâm tẩy; sản xuất tái chế phế liệu (nhựa, kim loại...); phá dỡ tàu cũ.

Điều 2. Đối với các dự án đã đầu tư trong các khu công nghiệp đang hoạt động với ngành nghề, lĩnh vực sản xuất nêu tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này:

1. Yêu cầu Nhà đầu tư chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khuyến khích Nhà đầu tư chuyển đổi ngành nghề, lĩnh vực sản xuất của dự án sang ngành nghề, lĩnh vực sản xuất khác ngoài các ngành nghề, lĩnh vực nêu tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

3. Không chấp thuận đầu tư mở rộng, nâng công suất dự án; không gia hạn khi hết thời gian hoạt động của dự án hoặc hết thời hạn thuê đất, giao đất để thực hiện dự án.

4. Yêu cầu Nhà đầu tư xây dựng và công bố lộ trình chuyển đổi ngành nghề, lĩnh vực sản xuất hoặc di dời đến điểm quy hoạch chung của tỉnh trước năm 2020 và hoàn thành việc chuyển đổi hoặc di dời trước năm 2025.

Các nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này được thực hiện theo các quy định tại các Quyết định của Bộ Xây dựng số: 1049/QĐ-BXD ngày 04/8/2003, 2310/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 và các Quyết định của UBND tỉnh số: 195/2001/QĐ-UB ngày 23/3/2001, 11/2002/QĐ-UB ngày 22/02/2002, 2133/QĐ-UBND ngày 25/9/2006, 326/QĐ-UBND ngày 16/02/2009; 1675/QĐ-UBND ngày 28/7/2009; 3680/QĐ-UBND ngày 14/12/2016.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Các phòng: KT, CTXDGT, TH, TTHCC;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Diên

